

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 570/2024/DS-PT
Ngày: 13-11-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3954/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tiết Kim Đ, sinh năm 1966 (có mặt)

2.2. Bà Tả Thị N, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số H, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Tiết Kim Đ, bà Tả Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/01/2024 bà V cho ông Đ và bà N vay số tiền 580.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có lập giấy mượn tiền, lãi suất 3%/tháng, thời hạn 02 tháng. Mục đích ông Đ, bà N vay tiền là để làm kinh tế chung gia đình. Tuy nhiên sau khi nhận tiền vay, ông Đ và bà N không trả lãi, vốn như đã thoả thuận. Bà V nhiều lần đến tìm yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà N cứ lảng tránh.

Do ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà V nên bà V yêu cầu ông Đ, bà N có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay 580.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/01/2024 đến ngày 08/7/2024 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 52.633.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi số tiền vốn 580.000.000 đồng từ ngày 09/7/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Tả Thị N trình bày:

Bà và chồng là ông Tiết Kim Đ chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Vào khoảng năm 2013, bà có vay của bà V tổng số tiền 34.000.000 đồng (lần 1: 20.000.000 đồng, lần 2: 10.000.000 đồng và lần 3: 4.000.000 đồng). Năm 2015, bà vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Đến năm 2016, bà vay thêm số tiền 15.000.000 đồng (vay 3 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng). Tổng tiền vay là 79.000.000 đồng, bà sử dụng vào việc nuôi con và trả lãi cho các khoản vay trước. Khi vay, hai bên chỉ giao kết bằng lời nói, không kỳ hạn, lãi suất là 8%/tháng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh.

Sau khi vay, bà có nói cho ông Đ biết và trả lãi đầy đủ đến năm 2015. Đến khoảng tháng 01/2016 do làm ăn thất thoát, hoa lợi không có nên bà không trả lãi đầy đủ hàng tháng như đã thoả thuận. Bà ngừng trả lãi từ tháng 01/2024 cho đến nay. Tổng tiền lãi đã trả hiện không nhớ và không có chứng cứ chứng minh.

Đến ngày 29/8/2023, vợ chồng bà và bà V thoả thuận tổng tiền gốc, lãi còn nợ là 400.000.000 đồng, nhưng không lập thành văn bản. Vợ chồng bà có trả tiền gốc 100.000.000 đồng, bà V có lập thành giấy tay (01 bản) nhưng chỉ cho ông bà photo lại mà không giao bản gốc.

Đến ngày 25/01/2024, bà V yêu cầu vợ chồng bà ký tên vào giấy mượn tiền. Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong giấy mượn tiền do bà V cung cấp cho Toà án là chữ ký, chữ viết của vợ chồng bà. Tuy nhiên, phần nội dung phía

trên là do bà V tự viết, vợ chồng bà do sơ ý, chồng bà ông Đ vội đi làm không kịp đọc lại nội dung.

Do đó bà không đồng ý với trình bày, yêu cầu của bà V, vợ chồng bà chỉ đồng ý liên đới trả cho bà V số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Tiết Kim Đ trình bày:

Ông và vợ là bà Tả Thị N chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đối với hợp đồng vay của bà V, ông thống nhất với trình bày của bà N. Tổng số tiền bà N vay là 79.000.000 đồng, không kỳ hạn, lãi suất là 8%/tháng. Ông thừa nhận vào ngày 25/01/2024, vợ chồng ông có ký tên vào giấy mượn tiền, thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong giấy mượn tiền do bà V cung cấp cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Tuy nhiên, phần nội dung phía trên là do bà V tự viết, do sơ ý, vội đi làm nên ông không đọc lại nội dung.

Ông cũng không đồng ý với trình bày, yêu cầu của bà V, vợ chồng ông chỉ đồng ý liên đới trả cho bà V số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng V.

Buộc bà Tả Thị N và ông Tiết Kim Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Hồng V số tiền là 637.447.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Gồm:

- Tiền gốc: 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng);
- Tiền lãi: 57.447.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2024, bị đơn ông Tiết Kim Đ, bà Tả Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Đ, bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tiết Kim Đ, bà Tả Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Tiết Kim Đ, bà Tả Thị N; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V căn cứ vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 25/01/2024 yêu cầu bị đơn ông Tiết Kim Đ, bà Tả Thị N có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay 580.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 25/01/2024 đến ngày giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/7/2024 là 57.447.000 đồng.

Bị đơn bà N, ông Đ thừa nhận chữ ký, chữ viết trong “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 25/01/2024 là chữ ký, chữ viết của ông, bà. Tuy nhiên, ông Đ, bà N cho rằng khi ký tên không có nội dung liên quan đến tiền vay 580.000.000 đồng. Ông bà có vay bà V nhiều lần tiền, đến ngày 29/8/2023 hai bên chốt lại tiền nợ gốc và lãi là 400.000.000 đồng, ông bà đã trả 100.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả lại cho bà V 300.000.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Ông Đ, bà N thừa nhận chữ ký, chữ viết trong “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 25/01/2024 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 25/01/2024 thể hiện nội dung: Ông Đ, bà N có vay của bà V số tiền 580.000.000 đồng, mục đích vay là để trả nợ, lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Đồng thời, trong quá trình tố tụng ông Đ, bà N cũng xác định từ ngày ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 25/01/2024 đến nay ông Đ, bà N không có trả cho bà V số tiền nào. Từ đó nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đ, bà N liên đới trả số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 24/7/2024 tổng cộng là 637.447.000 đồng được cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu là có cơ sở.

[2.3] Lời trình bày của ông Đ và bà N về việc có vay tiền của bà V nhiều lần trước ngày 25/01/2024, đôi bên không có làm biên nhận, khi bị đơn không đóng lãi

cho nguyên đơn thì đôi bên có chốt lại số tiền nợ vay gốc và lãi bị đơn còn thiếu là 400.000.000 đồng, sau đó bị đơn trả được cho nguyên đơn 100.000.000 đồng theo biên nhận photo ngày 29/8/2023 nên chỉ còn thiếu nguyên đơn 300.000.000 đồng,... không được nguyên đơn thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định lời trình bày nói trên của bị đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Đ, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ, bà N phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí, ông Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tiết Kim Đ, bà Tả Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng V.

Buộc bà Tả Thị N và ông Tiết Kim Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Hồng V số tiền 637.447.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Gồm:

- Tiền gốc: 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng);

- Tiền lãi: 57.447.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tả Thị N được miễn án phí.

Buộc ông Tiết Kim Đ phải nộp số tiền 14.748.940 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tả Thị N được miễn án phí.

Ông Tiết Kim Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001667 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên